

Số: 68/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15.

2. Các thông tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển*

đổi số về dự trữ quốc gia là các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh trong nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược.

2. *Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia (sau đây gọi tắt là Hệ thống)* là Hệ thống thông tin và tập hợp dữ liệu được thiết kế, xây dựng để thu thập, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý và điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; dự trữ quốc gia; dữ liệu; bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

2. Ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành về dự trữ quốc gia; khuyến khích thử nghiệm, áp dụng công nghệ mới phù hợp với đặc thù lĩnh vực; bảo đảm tính linh hoạt, thích ứng với sự phát triển của công nghệ.

3. Việc triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về dự trữ quốc gia phải phù hợp với đặc thù, điều kiện thực tế, mức độ sẵn sàng và năng lực tổ chức thực hiện; bảo đảm an toàn, hiệu quả, không làm gián đoạn hoạt động quản lý; thực hiện theo lộ trình và có thể áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên, phản ánh đúng thực trạng, thống nhất, đồng bộ, liên thông dữ liệu; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc, định dạng, giao thức kết nối, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, Khung kiến trúc số Bộ Tài chính, Kiến trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính.

5. Không yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trên Hệ thống; việc yêu cầu cung cấp lại thông tin, dữ liệu chỉ được thực hiện để phục vụ cập nhật, bổ sung dữ liệu hoặc phục vụ công tác xác minh, thẩm tra, kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Việc truy cập, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trên Hệ thống được phân quyền cụ thể, gắn với trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

7. Không yêu cầu báo cáo, cung cấp dưới hình thức văn bản đối với các nội dung, thông tin đã được thiết kế, cập nhật, kết nối và lưu trữ trên Hệ thống; trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong tình huống khẩn cấp hoặc khi các hệ thống thông tin chưa đáp ứng yêu cầu kết nối.

8. Lấy dữ liệu làm trung tâm phục vụ công tác quản lý, điều hành. Bảo đảm nguyên tắc dữ liệu được thu thập một lần, sử dụng nhiều lần; ưu tiên sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung; tránh trùng lặp, phân tán, lãng phí nguồn lực trong xây dựng, quản lý hệ thống thông tin và dữ liệu.

Chương II

NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược

1. Nâng cao năng suất lao động, bảo đảm nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược nhanh chóng, kịp thời gắn với đổi mới quy trình nghiệp vụ, hiện đại hóa các khâu nhập, xuất thông qua cơ giới hóa, tự động hóa và số hóa (tiếp nhận, kiểm đếm, cân đo, lập hồ sơ, chứng từ, bàn giao); bảo đảm an toàn, tăng cường khả năng giám sát, bảo đảm nhập, xuất nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý; dữ liệu, hồ sơ được ghi nhận, lưu vết, đối soát và cập nhật đầy đủ trên Hệ thống.

2. Quản lý, giám sát, theo dõi, cảnh báo kịp thời chất lượng hàng hóa trong quá trình nhập, xuất (kiểm soát ra/vào kho, niêm phong, bốc xếp, điều kiện vận chuyển, giao nhận) bảo đảm an toàn, đúng số lượng, chất lượng, đúng thời gian và đáp ứng yêu cầu nhập, xuất theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, nhận diện và quản lý thông tin trong quá trình nhập, xuất kho thông qua việc áp dụng công nghệ gắn chip, mã vạch hai chiều (QR) hoặc giải pháp công nghệ phù hợp; bảo đảm mỗi đơn vị hàng hóa được định danh và quản lý thống nhất, đầy đủ trên Hệ thống phục vụ yêu cầu quản lý trong quá trình bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược; khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số tiên tiến, phù hợp với đặc thù trong lĩnh vực dự trữ quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, truy xuất nguồn gốc, phân tích và dự báo.

4. Việc triển khai phù hợp với đặc thù từng mặt hàng, điều kiện kho tàng, trang thiết bị và năng lực tổ chức thực hiện; thực hiện theo lộ trình do cơ quan có

thẩm quyền quy định; bảo đảm an toàn, hiệu quả, không làm gián đoạn hoạt động quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược.

5. Cơ quan, đơn vị quản lý dự trữ quốc gia chủ động lựa chọn, tổ chức thực hiện các giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tuân thủ quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển đổi số và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược

1. Bảo đảm tính ổn định về chất lượng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược; giảm hao hụt, nâng cao hiệu quả công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược và bảo vệ môi trường.

2. Tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản tiên tiến trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ kho thông minh, hiện đại hóa trang thiết bị để quản lý, vận hành kho an toàn, kiểm soát an ninh và bảo đảm số lượng, chất lượng hàng hóa, kịp thời xử lý các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng; tăng cường ứng dụng các thiết bị giám sát, thu thập dữ liệu (IoT), bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống theo quy định; trang bị công nghệ bảo quản và phương tiện, thiết bị kỹ thuật phù hợp để cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược; tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên, liên tục trên Hệ thống.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý dự trữ quốc gia thực hiện quản lý, số hóa hồ sơ bảo quản và hồ sơ nghiệp vụ bảo quản liên quan (kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm và hồ sơ kỹ thuật); bảo đảm dữ liệu được lưu trữ, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác và được quản lý trên môi trường số phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá chất lượng theo quy định.

4. Bảo đảm phù hợp với đặc thù từng mặt hàng, điều kiện kho tàng, trang thiết bị và năng lực tổ chức thực hiện; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quy định, bảo đảm an toàn, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến công tác bảo quản thường xuyên hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về quản lý dự trữ quốc gia

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược ưu tiên nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật cao trong hoạt động dự trữ quốc gia; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhập, xuất và bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược.

3. Khuyến khích và ghi nhận các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp miễn phí giải pháp kỹ thuật, phát minh, sáng chế, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin phục vụ có hiệu quả trong quản lý, điều hành, nhập, xuất và bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược có trách nhiệm đánh giá các giải pháp kỹ thuật, phát minh, sáng chế, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin được quy định tại khoản này bảo đảm tính bảo mật, an toàn, hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật trước khi ghi nhận, biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp hiệu quả trong hoạt động quy định tại khoản này.

Các giải pháp được ghi nhận là căn cứ để xem xét ưu tiên áp dụng, nhân rộng hoặc đề xuất tham gia các chương trình, nhiệm vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 8. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia

1. Chức năng của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia gồm:

a) Xử lý nghiệp vụ, tổng hợp, phân tích, hỗ trợ ra quyết định trong công tác quản lý nhà nước và điều hành hoạt động dự trữ quốc gia;

b) Thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu về dự trữ quốc gia;

c) Quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin, dữ liệu về dự trữ quốc gia.

2. Bộ Tài chính tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống tập trung, thống nhất; ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và điều hành hoạt động dự trữ quốc gia trên môi trường số.

Điều 9. Thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo phương thức tự động thông qua cơ chế kết nối giữa các hệ thống thông tin bằng giao diện lập trình ứng dụng (API); trường hợp chưa đủ điều kiện kết nối thì thực hiện cập nhật dữ liệu trực tiếp trên Hệ thống theo phân công, phân cấp, phân quyền.

2. Thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động (qua API):

a) Việc kết nối qua API giữa các hệ thống thông tin với Hệ thống tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu;

b) Duy trì kết nối liên tục theo thời gian thực; nhật ký kết nối được ghi lại trên Hệ thống; tuân thủ yêu cầu kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin của Hệ thống.

3. Phương thức cập nhật dữ liệu trực tiếp từ tài khoản người dùng:

a) Trường hợp chưa đủ điều kiện kết nối tự động được thực hiện cập nhật trực tiếp thông tin, dữ liệu trên Hệ thống thông qua tài khoản người dùng theo Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống;

b) Thao tác cập nhật dữ liệu phải được ghi lại trong nhật ký Hệ thống, bảo đảm truy vết được người thực hiện, thời điểm và nội dung thay đổi.

4. Tần suất cập nhật dữ liệu vào Hệ thống được thực hiện theo thời gian thực hoặc theo quy định tại Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống.

5. Trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Hệ thống

a) Đơn vị thực hiện dự trữ quốc gia có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về tình hình quản lý, bảo quản, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược;

b) Đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản có trách nhiệm kết nối, cập nhật dữ liệu, báo cáo định kỳ và đột xuất việc nhập, xuất, bảo quản, tồn kho hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược theo quy định tại hợp đồng và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu

trên Hệ thống để phục vụ cho quản lý, giám sát, điều hành dự trữ quốc gia;

d) Bên cập nhật thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin, dữ liệu; trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống và pháp luật.

6. Trong thời gian Hệ thống chưa đi vào vận hành, việc thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quản lý về dự trữ quốc gia phải hoàn thành kết nối, tích hợp, liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống theo quy định tại Thông tư này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hệ thống đi vào vận hành.

Điều 10. Quản lý dữ liệu

1. Dữ liệu trên Hệ thống được lưu trữ, bảo quản an toàn, lâu dài và bảo mật theo quy định; được sao lưu, khôi phục; kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa, cập nhật và xử lý dữ liệu trùng lặp, sai sót kỹ thuật hoặc không còn giá trị sử dụng.

2. Bảo đảm dữ liệu được kế thừa, chuyển đổi, di chuyển khi nâng cấp, thay thế hoặc điều chỉnh Hệ thống.

Điều 11. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu

1. Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có liên quan được giao quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trên Hệ thống theo thẩm quyền phục vụ quản lý và điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia cung cấp, thu thập, xử lý, cập nhật dữ liệu được khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống theo phân công, phân cấp, phân quyền bảo đảm tính bảo mật và quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

3. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; không sử dụng trái phép, không làm sai lệch, hủy hoại dữ liệu hoặc cản trở hoạt động của Hệ thống.

4. Việc cung cấp dữ liệu công khai và dữ liệu theo yêu cầu được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan có thẩm quyền và cơ chế phân cấp, phân quyền trên Hệ thống; bảo đảm đúng mục đích sử dụng, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

5. Việc khai thác dữ liệu trên Hệ thống theo phương thức tự động qua API hoặc tài khoản người dùng được cấp.

Điều 12. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin

1. Hệ thống phải được bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Chuyển đổi số và các quy định hiện hành về an toàn, an ninh thông tin.

2. Hệ thống phải được bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, sẵn sàng khi lưu trữ, khai thác, trao đổi dữ liệu; áp dụng kỹ thuật mã hóa, thiết lập mật mã, ứng dụng chữ ký số (khi cần thiết); có cơ chế sao lưu, lưu trữ dự phòng, phòng chống, kiểm soát mã độc; có phương án khôi phục Hệ thống khi xảy ra sự cố; thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ và áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm Hệ thống vận hành liên tục, ổn định.

3. Thông tin tài khoản người dùng trên Hệ thống phải được bảo mật, gắn với thông tin định danh; người dùng chỉ được truy cập thông tin trong phạm vi quyền hạn được phân quyền và có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật tài khoản được cấp.

4. Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước) có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin rà soát, đánh giá cấp độ an toàn thông tin đối với Hệ thống.

5. Việc chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu từ Hệ thống phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, tiết lộ, sửa đổi, hủy hoại hoặc làm sai lệch dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu; Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống và bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Tài khoản người dùng và quyền truy cập

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia được cấp tài khoản người dùng trên Hệ thống; người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quyết định và chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài khoản theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp tài khoản quản trị trên Hệ thống có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đúng chức năng, nhiệm vụ,

bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

3. Việc cấp tài khoản người dùng, tài khoản quản trị được thực hiện trên Hệ thống phù hợp với năng lực của Hệ thống; mỗi người dùng chỉ được cấp một tài khoản và được phân quyền phù hợp với nhiệm vụ được giao; cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống có quyền thu hồi tài khoản nếu vi phạm quy định.

4. Việc truy cập Hệ thống phải áp dụng xác thực đa yếu tố (MFA); khuyến khích xác thực chữ ký số, định danh điện tử; việc quản lý, sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử; áp dụng chính sách mật khẩu mạnh; khóa tài khoản tự động khi phát hiện truy cập bất thường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện việc xây dựng, triển khai, vận hành, duy trì, nâng cấp Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý dự trữ quốc gia ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Hệ thống trong dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

3. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia cung cấp thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu tự bảo đảm chi phí thực hiện.

4. Ngân sách nhà nước chi cho việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về dự trữ quốc gia được thực hiện theo dự toán, chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành.

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Dự trữ Nhà nước

1. Tham mưu Bộ Tài chính trong việc thực hiện các chính sách và tổ chức triển khai các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về dự trữ quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm quản trị dữ liệu, tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống; thu thập, tổng hợp, cập nhật, tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các nguồn hợp pháp khác vào Hệ thống.

3. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và nâng cấp Hệ

thống theo quy định của pháp luật; xây dựng và trình Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống.

4. Tổ chức việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Hệ thống với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống.

5. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng thu thập, cập nhật, kết nối, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống.

6. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trên Hệ thống; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 16. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ hoạt động nhập, xuất, bảo quản và quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược thuộc phạm vi quản lý; đánh giá hiệu quả, tổng kết, nhân rộng hoặc đề xuất áp dụng kết quả theo quy định;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện tạo lập, kết nối, thu thập, cập nhật và quản lý dữ liệu về nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược theo quy trình thu thập, cập nhật dữ liệu; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác; tổ chức số hóa hồ sơ, chuẩn hóa quy trình thu thập, cập nhật dữ liệu;

c) Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu; xử lý sai lệch theo Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống; thực hiện báo cáo, tổng hợp số liệu và chịu trách nhiệm đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp và theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện tạo lập, kết nối, thu thập, cập nhật, quản lý dữ liệu về quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược trên Hệ thống; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác; tổ chức số hóa hồ sơ, chuẩn hóa quy trình thu thập, cập nhật dữ liệu theo quy định;

c) Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu; phối hợp xử lý sai lệch dữ liệu theo Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống; chịu trách nhiệm đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia có trách nhiệm:

a) Áp dụng các giải pháp, công nghệ phục vụ quản lý dự trữ quốc gia; tham gia triển khai các giải pháp kỹ thuật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Thu thập, số hóa hồ sơ; kết nối, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược theo phân cấp, phân quyền; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác và đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh thông tin;

c) Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu; thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu khi phát hiện sai lệch hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm đối với dữ liệu do mình quản lý, cung cấp, cập nhật theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp và tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước) để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Đài Truyền hình Việt Nam;
- Đài Tiếng nói Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CDT (.30.b) *ky*



ky
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận
Lê Tấn Cận